TOÁ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 10/2017/DS - ST Ngày: 18 - 9 - 2017 V/v tranh chấp về thừa kế tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Lịch.

Bà Lưu Thị Nhàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2016/TLST- DS ngày 17 tháng 6 năm 2016 về việc " Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXXST – ST ngày 13 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Vũ Đức M, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ dân phố số B, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp của ông Vũ Đức M là: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ dân phố số B, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn:

1.Ông Vũ Văn C, sinh năm 1952; Địa chỉ: Tổ dân phố số B, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Văn C là: Luật sư Lê Ngọc V của văn phòng luật sư V & M, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định.

2. Ông Vũ Văn N, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ dân phố số T, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định.

3. Ông Vũ Văn X, sinh năm 1968 (đã chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ Văn X là: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1972, cháu Vũ Thị H1, sinh ngày 23/10/1999, cháu Vũ Văn H, sinh năm 2002, đều có địa chỉ: Tổ dân phố số B, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định và Chị Vũ Thị Y, sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ dân phố số H, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định.

Đại diện hợp pháp của cháu H1 và cháu H là bà Đoàn Thị T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố số B, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định

2. Bà Đoàn Thị R, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ dân phố số T, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị R là ông Vũ Văn N.

3. Bà Vũ Thị C (tên gọi khác Vũ Thị B), sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

4. Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tổ dân phố số B, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị B là ông Vũ Văn C.

5. Ủy ban nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T – Chủ tịch huyện.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức T là ông Nguyễn Xuân H - Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Nam Trực.

(Tại phiên tòa có mặt: bà T, ông C, bà T, đại diện Ủy ban nhân dân huyện T và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; vắng mặt: Ông M, ông N, bà B, bà R, bà C và chị Y)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2016 của nguyên đơn là ông Vũ Đức M và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Bố mẹ của nguyên đơn là cụ Vũ Văn N và cụ Đoàn Thị O có 05 người con gồm các ông, bà: Vũ Văn C, Vũ Văn N, Vũ Thị C, Vũ Đức M và Vũ Văn X. Cụ Vũ Văn N chết ngày 20 tháng 6 năm 2012; cụ Đoàn Thị O chết ngày 30 tháng 10 năm 2014. Ông Vũ Văn X chết ngày 14 tháng 4 năm 2017. Khi chết cụ N và cụ O không để lại di chúc.

Khi còn sống hai cụ tạo lập được khối tài sản gồm có cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng diện tích đất ở 120m^2, tại thửa 212, tờ bản đồ số 24, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, năm 1995 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Vũ Văn C, hiện nay gia đình ông C đang quản lý, sử dụng.

- Quyền sử dụng diện tích 135 m^2 đất tại thửa số 15, tờ bản đồ số 25, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, năm 1995 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Vũ Văn X, hiện nay đang do gia đình ông X quản lý, sử dụng.

- Quyền sử dụng diện tích 138m^2 đất tại thửa số 467 tờ bản đồ số 23, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, năm 1995 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Vũ Văn N, hiện nay đang do gia đình ông N quản lý, sử dụng.

- Quyền sử dụng diện tích 90 m^2 đất ruộng thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 22, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, hiện nay đang do vợ chồng ông Vũ Văn C quản lý, sử dụng.

Cụ N và cụ O chưa làm thủ tục pháp lý bằng văn bản như chuyển nhượng, tặng cho nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà (nay là huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định) cho các hộ ông C, ông N và ông X không đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên nguyên đơn yêu cầu đề nghị:

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông C, hộ ông N và hộ ông X.

+ Xác định 03 thửa đất trên và quyền sử dụng diện tích 90 m^2 đất ruộng là di sản thừa kế của cụ N và cụ O và chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 12 năm 2016 tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa đại diện cho nguyên không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 138 m^2 đất đã cấp cho hộ ông Vũ Văn N và không yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất này.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017 đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị và tại phiên tòa trình bày xác định diện tích 90 m^2 đất ruộng là của cụ N và cụ O, nhưng khi còn sống đã tuyên bố (di chúc miệng) cho vợ chồng nguyên đơn nên xác định đây là tài sản của nguyên đơn không phải là di sản thừa kế và yêu cầu được quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa ông Vũ Văn C, bà Đoàn Thị T trình bày và lời khai của ông N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên trong quá trình giải quyết vụ án đều thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, ngày bố, mẹ chết như nguyên đơn trình bày. Về di sản thừa kế của cụ N và cụ O để lại, các bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn cụ thể như sau:

- Ông Vũ Văn C trình bày và đề nghị: Quyền sử dụng diện tích đất 120m^2, tại thửa số 212 tờ bản đồ số 24 thị trấn Nam Giang đã được cụ N và cụ O cho sử dụng từ năm 1977 và vợ chồng ông đã kê khai đăng ký, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1995. Nay nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế đối với diện tích đất trên ông không đồng ý và xác định đây là tài sản của vợ chồng ông. Ông xác định di sản thừa kế của hai cụ N để lại là 90 m^2 đất ruộng, nếu chia thừa kế ông xin nhận quản lý sử dụng và sẽ thanh toán trị giá chênh lệch cho những người thừa kế khác.

- Ông Vũ Văn N trình bày và đề nghị: Quyền sử dụng diện tích đất 138 m^2, tại thửa số 467, tờ bản đồ số 23 thị trấn Nam Giang là đất Nhà nước cấp giao cho vợ chồng ông năm 1987, nguồn gốc không phải của cụ N và cụ O. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không có ý kiến gì, nếu chia di sản thừa kế của cụ N và cụ O ông từ chối nhận di sản thừa kế.

- Ông Vũ Văn X trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa bà Đoàn Thị T trình bày và đề nghị: Nguồn gốc thửa đất ông X và bà T sử dụng diện tích 135 m^2 thửa số 15, tờ bản đồ số 25, thị trấn Nam Giang là của cụ N và cụ O. Tuy nhiên từ năm 1989 hai cụ đã cho vợ chồng ông X sử dụng và vợ chồng ông X đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995, nên đây là tài sản của vợ chồng ông X và không nhất trí với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế đối với diện tích đất này. Di sản thừa kế của cụ N và cụ O để lại là 90 m^2 đất ruộng, ông X không đề nghị Tòa án chia thừa kế vì cụ N và cụ O đã giao cho ông C sử dụng.

- Bà Vũ Thị C trình bày và đề nghị: Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông Vũ Đức M về việc chia thừa kế di sản của cụ N và cụ O, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật, nếu chia thừa kế di sản của hai cụ, kỷ phần của bà được hưởng xin nhường lại cho ông C.

- Đại diện Ủy ban nhân huyện Nam Trực trình bày và đề nghị: Năm 1992, thực hiện quyết định 924 của UBND tỉnh về công tác đo đạc hoàn thiện hồ sơ địa chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ ông Vũ Văn C đăng ký sử dụng diện tích đất 120 m2, hộ ông Vũ Văn X đăng ký sử dụng diện tích đất 135 m2 và ông Vũ Văn N đăng ký sử dụng diện tích 308 m^2 đất. Hộ ông C, ông X và ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trên đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Khi cụ N và cụ O còn sống đều không có ý kiến gì nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông C, ông X và ông N.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Vũ Văn C trình bày và đề nghị:

+ Diện tích đất ở 120 m^2 của hộ ông C và diện tích đất 135 m^2 của hộ ông X đã được cụ N và cụ O khi còn sống cho sử dụng từ rất nhiều năm. Từ năm 1995 hộ ông C và hộ ông X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi hai cụ chết đều không có ý kiến gì nên đây là tài sản của hộ ông C và hộ ông X không phải là di sản thừa kế của cụ N và cụ O.

+ Di sản thừa kế của cụ N và cụ O là 90 m^2 đất ruộng, thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 22, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Khi chết hai cụ không để lại di chúc nên đề nghị chia di sản theo pháp luật. Ông C hiện là người đang quản lý, sử dụng nên đề nghị tiếp tục giao cho ông C được quản lý sử dụng và ông C phải thanh Toán giá trị chênh lệch cho các thừa kế khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định trình bày ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

+ Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ở 120 m^2 tại thửa 212, tờ bản đồ số 24, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đã cấp cho hộ ông C và đối với diện tích đất ở 135 m^2 tại thửa số 15, tờ bản đồ số 25, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đã cấp cho hộ ông X.

+ Xác định diện tích 90 m^2 đất ruộng, thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 22, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định là di sản thừa kế của cụ N và cụ O và đề nghị chia thừa kế theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Các đương sự vắng mặt trong đó có ông Vũ Văn N, bà Đoàn Thị R, bà Vũ Thị C đã có đơn xin giải quyết vắng mặt và đương sự chị Vũ Thị Y đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

+ Về thời hiệu khởi kiện: Cụ N chết năm 2012; cụ O chết năm 2014 mất . Ngày 17/6/2016 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N và cụ O nên theo quy định Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về các tài sản nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế:

+ Đối với diện tích đất 138 m^2, tại thửa số 467 tờ bản đồ số 23 thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 cho hộ ông Vũ Văn N. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Vũ Văn N và không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất này. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

+ Đối với diện tích đất 120m^2, tại thửa số 212 tờ bản đồ số 24 và diện tích đất 135 m^2, tại thửa số 15, tờ bản đồ số 25, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực đều có nguồn gốc là của cụ N và cụ O. Các đương sự đều thừa nhận diện tích đất 120 m^2 của cụ N và cụ O đã cho vợ chồng ông C sử dụng vào năm 1977 và diện tích đất 135 m^2 đã cho vợ chồng ông X sử dụng năm vào 1989. Năm 1995 ông C và ông X đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt là GCNQSD) cho ông C đối với diện tích đất 120 m^2 và cho ông X đối với diện tích đất 135 m^2. Ông C và ông X đã quản lý, sử dụng đối với diện tích đất được cấp GCNQSD ổn định, liên tục trong thời gian dài không có tranh chấp. Cụ N và cụ O đều biết và không có ý kiến gì. Do vậy căn cứ quá trình kê khai, đăng ký, cấp GCNQSD đất và quá trình thực tế sử dụng đất thì có cơ sở xác định khi cụ N và cụ O còn sống đã cho ông C và ông X đất và đồng ý với việc cấp GCNQSD đất cho hai ông. Nên diện tích đất 120m^2, tại thửa số 212, tờ bản đồ số 24, thị trấn Nam Giang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông C và diện tích đất 135 m^2 tại thửa số 15, tờ bản đồ số 25, thị trấn Nam Giang, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông X. Như vậy yêu cầu hủy GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông C và hộ ông X và xác định hai thửa đất này là di sản của cụ N và cụ O để chia thừa kế của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

+ Đối với diện tích đất 90m^2 đất ruộng thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 22, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, nguyên đơn cho rằng khi còn sống hai cụ đã (di chúc miệng) cho nguyên đơn. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh có căn cứ đối với quyền sử dụng hợp pháp diện tích 90 m2 đất ruộng. Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự, bản sao trích lục bản đồ lập ngày 28 tháng 7 năm 2017 và biên bản xác minh ngày 28 tháng 7 năm 2017 lập tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Giang thì diện tích ruộng trên là ruộng 5% của cụ N và cụ O nên đây là di sản chia thừa kế của Cụ N và cụ O.

Như vậy di sản của cụ N và cụ O để lại là quyền sử dụng 90 m^2 đất ruộng. Theo biên bản định giá ngày 31/5/2017 quyền sử dụng đất ruộng có trị giá là 90 m^2 x 250.000đ = 22.500.000đ.

[3] Về diện thừa kế và kỷ phần.

Cụ N và cụ O chết không để lại di chúc nên di sản được phân chia theo pháp luật, hàng thừa kế thứ nhất của cụ N và cụ O gồm 05 người là:

Ông M, ông C, bà C, ông N và ông X (ông X chết tháng 4 năm 2017 nên những người hưởng kỷ phần thừa kế của ông X là: bà T, chị Y, cháu H1 và cháu H). Ông N từ chối nhận di sản. Do vậy, diện thừa kế thuộc hàng thứ nhất của cụ N và cụ O chỉ còn 4 kỷ phần. Trị giá mỗi kỷ phần là 22.500.000đ : 4 = 5.625.000đ.

Bà C nhường kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông C nên ông C được hưởng phần di sản là 5.625.000đ x2 = 11.250.000đ.

Ông Vũ Đức M được hưởng phần di sản thừa kế có trị giá là: 5.625.000đ.

Bà Đoàn Thị T, chị Y, cháu H1 và cháu H được hưởng phần di sản thừa kế có trị giá là: 5.625.000đ.

Về chia hiện vật: Xét thấy khi hai hai cụ N và cụ O khi còn sống đã tạo dựng và cho Ông C, ông X diện tích đất ở như hai ông đang sử dụng. Di sản để lại thừa kế của hai cụ là quyền sử dụng diện tích đất ruộng 90 m^2. Để tạo điều kiện cho nguyên đơn có tư liệu sản xuất canh tác đảm bảo cuộc sống nên chia bằng hiện vật là diện tích 90 m^2 đất ruộng cho nguyên đơn sử dụng. Nhưng nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị cho ông Vũ Văn C số tiền là 11.250.000đ và cho bà Đoàn Thị T, chị Vũ Thị Y, cháu Vũ Thị H và cháu Vũ Văn H số tiền là: 5.625.000đ.

Về án phí:

+ Về án phí dân sự không có giá ngạch: Ông Vũ Đức M phải chịu án phí không có giá ngạch đối với phần yêu cầu chia tài sản thừa kế không được chấp nhận.

+ Về án phí giá ngạch: Các đương sự phải chịu án phí giá ngạch tài sản đối với trị giá phần di sản được hưởng cụ thể: Ông Vũ Đức M phải nộp số tiền là 5.625.000đ x 5% = 281.000đ; ông Vũ Văn C phải nộp số tiền là 11.250.000đ x 5% = 562.000.000đ; bà Đoàn Thị T đồng thời là đại diện của cháu Vũ Thị H1, cháu Vũ Văn H và chị Vũ Thị Y phải liên đới nộp số tiền là 5.625.000đ x 5% = 281.000đ. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 5 Điều 26; Điều 147; Điều 165; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 674, Điều 675, Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167 và Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội .

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Vũ Đức M.

1.1. Chia cho ông Vũ Đức M được quyền sử dụng diện tích 90m^2 đất ruộng thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 22, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định. (có vị trí phía Bắc giáp đất bà L dài 2,29 m, phía Nam giáp đường liên thôn dài 2,29 m, phía Đông giáp đất hộ ông Vũ Văn X dài 39,2 m, phía Tây giáp đất ông C, bà H dài 39,2 m).

1.2. Ông Vũ Đức M có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ Văn C số tiền là 11.250.000đ (mười một triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng), cho chị Đoàn Thị T đồng thời là đại diện của cháu Vũ Thị H1, cháu Vũ Văn H và chị Vũ Thị Y số tiền là 5.625.000đ (năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

(kèm theo bản án có sơ đồ quyền sử đất diện tích 90 m^2 của ông Vũ Đức M tại thửa số 32, tờ bản đồ số 22, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Đức M về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 858010 ngày 28 tháng 9 năm 1995 đã cấp cho hộ ông Vũ Văn C và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 85890 ngày 28 tháng 9 năm 1995 đã cấp cho hộ ông Vũ Văn X của Ủy ban nhân dân huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà (nay là huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định).

3. Về án phí:

3.1. Về án phí không có giá ngạch: Ông Vũ Đức M phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

3.2. Về án phí giá ngạch tài sản: Ông Vũ Đức M phải nộp 281.000đ (hai trăm tám mươi mốt nghìn đồng); ông Vũ Văn C phải nộp số tiền là 562.000đ (năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng); bà Đoàn Thị T đồng thời là đại diện cho cháu Vũ Thị H1, cháu Vũ Văn H và chị Vũ Thị Y phải liên đới nộp số tiền là 281.000đ (hai trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

3.3. Số tiền tạm ứng án phí ông Vũ Đức M đã nộp 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 07070 ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực được khấu trừ. Hoàn trả lại cho ông Vũ Đức M số tiền là 5.019.000đ (năm triệu không trăm mười chín nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Ông Vũ Đức M, ông Vũ Văn C, bà Đoàn Thị B, bà Đoàn Thị T và Ủy ban nhân dân huyện Nam Trực có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Vũ Văn N, bà Đoàn Thị R, bà Vũ Thị C và chị Vũ Thị Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND thị trấn G;
- Lưu văn phòng.
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh